TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 11-9-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Công M, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số 20 đường Trần Thừa, phường Lộc Vượng, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ông Trần Công M là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thúy P (Văn bản ủy quyền ngày 10-7-2018).

- *Bị đơn:* Chị Khúc Thị Bích L, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 220/220 đường Trần Đăng Ninh, phường Cửa Bắc, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Anh Trần Thanh L là người đại diện theo ủy quyền của chị Khúc Thị Bích L (Văn bản ủy quyền ngày 08-8-2018).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Thanh L, sinh năm 1978 (chồng chị L); Nơi cư trú: Số 220/220 đường Trần Đăng Ninh, phường Cửa Bắc, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1966 (vợ ông M); Nơi cư trú: Số 20 đường Trần Thừa, phường Lộc Vượng, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông M, anh L có mặt. Chị L ủy quyền cho anh L, bà P ủy quyền cho ông M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05-7-2018, các bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Công M trình bày:

Giữa ông và chị Khúc Thị Bích L có mối quan hệ quen biết. Do mối quan hệ thân thiết nên chị Khúc Thị Bích L có hỏi vay của ông số tiền là 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) đồng, ông có hỏi lý do vay tiền chị L nói vay để đưa bố đi chữa bệnh tại Hà Nội vì thế ông đồng ý. Sau đó một mình chị L đến nhà ông để nhận tiền đồng thời tự viết giấy vay tiền và hẹn khoảng 10 ngày sau sẽ trả toàn bộ số tiền đó cho ông, vì chỗ quen biết nên ông không tính lãi suất. Khi giao tiền cho chị L lúc đó có vợ ông là Nguyễn Thúy P ở nhà cùng chứng kiến. Sau khi nhận tiền chị L sử dụng số tiền vào mục đích gì ông không biết. Ông xác nhận chị L đã nhiều lần trả tiền cho ông vì thời gian đã lâu ông không nhớ rõ thời gian trả, mỗi lần trả bao nhiêu tiền nhưng ông xác nhận đến ngày 18-5-2016 chị L đã trả cho ông tổng cộng 70.000.000 (Bẩy mươi triệu) đồng nên ông và chị L đã chốt nợ vào ngày hôm đó, đồng thời chị L đã viết giấy biên nhận còn nợ lại ông 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Trong giấy biên nhận chị L hẹn đến ngày 27-5-2016 sẽ trả nốt số tiền còn lại. Quá thời hạn không thấy chị L trả tiền, ông có đã nhiều lần yêu cầu chị L thanh toán cho ông toàn bộ số tiền còn lại nhưng chị L đều xin khất và đến nay chị L vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền trên. Sau đó anh Trần Thanh L (là chồng chị L) cũng đã đến nhà ông xem giấy vay tiền chị L viết cho ông nên anh L có biết việc này. Ông M có quan điểm nếu anh L thay mặt chị L trả toàn bộ nợ cho ông trong một lần ông sẽ cho anh chị 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, anh L, chị L chỉ phải trả 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng; nếu như anh L xin trả dần thì ông yêu cầu thanh toán 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, ông cho anh chị 10.000.000 (Mười triệu) đồng và không tính lãi số tiền chậm trả nhưng chị L và anh L không có điều kiện để trả tiền cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N buộc chị Khúc Thị Bích L trả nốt cho ông toàn bộ số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng đã vay, không yêu cầu chị L phải trả lãi trong thời gian từ ngày 18-5-2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án nhưng yêu cầu Tòa án buộc chị L phải chịu lãi suất số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn là chị Khúc Thị Bích L trình bày:

Giữa chị và ông Trần Công M có quan hệ quen biết nên cách đây khoảng 03 năm chị có vay của ông M số tiền là 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4.000 (Bốn nghìn) đồng/1.000.000 (Một triệu) đồng/01 ngày. Chị vay với mục đích lấy vốn đầu tư mua căn hộ chung cư trả góp để kinh doanh. Đến ngày 18-5-2016 chị đã trả cho ông M tổng cộng được 70.000.000 (Bẩy

mươi triệu) đồng, chị đã viết giấy biên nhận số tiền còn nợ lại là 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng, chị xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền này là của chị. Việc chị vay tiền ông M không có ai chứng kiến, chị vay tiền với mục đích kinh doanh riêng nên không cho chồng là anh Trần Thanh L biết, cũng không bàn bạc với chồng về việc này và không dùng số tiền này vào việc chi tiêu cho gia đình nên chị nhận trách nhiệm sẽ thanh toán cho ông M. Hiện nay chị đang phải thi hành án trong trại giam nên không thể thanh toán cho ông M ngay được, chị sẽ tiếp tục trả cho ông M số tiền trên khi thi hành án phạt tù xong.

Trong bản tự khai và quá trình tố tụng anh Trần Thanh L trình bày: Anh hoàn toàn không biết vợ anh vay tiền của ông M vào thời gian nào, vay bao nhiêu, mục đích để làm gì, cũng không bàn bạc với anh và cũng không sử dụng số tiền này vào việc chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình. Sau này khi ông M đến nhà đòi tiền anh mới biết việc chị L có vay tiền ông M, anh xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền 18-5-2016 là của chị L nhưng anh không chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng với lý do như đã trình bầy ở trên. Anh xác định đây là khoản nợ riêng của chị L đối với ông M và chị L có trách nhiệm trả nợ cho ông M còn anh không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 18-5-2016 mà các bên đã thừa nhận, thể hiện chị L vay ông M số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng hẹn đến ngày 27-5-2016 sẽ trả số tiền trên, hai bên không thỏa thuận về lãi suất đối với khoản tiền này và trong quá trình tố tụng, các bên cũng đều thừa nhận đây là khoản tiền vay không có lãi. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" có kỳ hạn và không có lãi.

Về người tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng, ông M có lời khai trình bầy bà P (vợ ông), anh L (chồng chị L) có biết việc vay tiền giữa ông và chị L, do vậy Hội đồng xét xử xác định đương sự trong vụ án nguyên đơn là ông Trần Công M, bị đơn là chị Khúc Thị Bích L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thúy P và anh Trần Thanh L.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng, toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án. Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho ông M tham gia tố tụng, toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Công M với chị Khúc Thị Bích L đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố N không tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, chỉ thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo thủ tục chung là đúng với quy định của Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1 Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng ông M và chị L đều thừa nhận do mối quan hệ quen biết nên ông M có cho chị L vay số tiền 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu đồng), chị L đã trả cho ông M được 70.000.000 (Bẩy mươi triệu) đồng. Hai bên đã chốt nợ ngày 18-5-2016, chị L viết giấy xác nhận còn nợ lại ông M 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Quá thời hạn thỏa thuận trong giấy vay tiền không thấy chị L trả tiền, ông M đã nhiều lần đòi nhưng chị L đều khất lần. Ông M có lời khai thừa nhận sau khi giao tiền cho chị L xong, chị L sử dụng vào việc gì, có bàn bạc và thông báo cho anh L biết không thì ông không biết. Chị L có bản tự khai xác nhận còn nợ ông M số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng. Chị vay số tiền này để kinh doanh riêng, không bàn bạc, không cho anh L biết và nhận trách nhiệm sẽ thanh toán cho ông M khoản tiền này. Anh L có quan điểm không chấp nhận số tiền này khoản nợ chung của vợ chồng, anh xác định đây là khoản nợ riêng của chị L đối với ông M và chị L có trách nhiệm trả nợ cho ông M còn anh không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ này. Tại các phiên hòa giải, ông M và anh L thống nhất xác nhận số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng chị Khúc Thị Bích L đã vay của ông M và viết giấy nhận nợ vào ngày 18-5-2016 là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ chấp nhận và xác định số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng là khoản nợ riêng của chị L đối với ông M.

2.2. Đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 18-5-2016, lời trình bầy của các đương sự thể hiện chị L hẹn đến ngày 27-5-2016 sẽ trả ông M số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng đã vay. Quá thời hạn thỏa thuận trong giấy vay tiền không thấy chị L trả tiền, ông M đã nhiều lần đòi nhưng chị L đều khất lần và chị L cũng thừa nhận thực tế đến nay vẫn chưa trả cho ông M số tiền trên. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay của ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3 Về lãi suất:

Tại giấy vay tiền 18-5-2016 hai bên không đề cập đến lãi suất cho vay, tại bản

tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông M đều không yêu cầu Tòa án tính lãi suất đối với số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng chị L đã vay của ông trong thời gian từ ngày 18-5-2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Anh L cũng nhất trí với quan điểm này của ông M. Xét thấy việc ông M không yêu cầu chị L phải thanh toàn lãi là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.4 Về chậm thực hiện nghĩa vụ trong khi thi hành án:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông M yêu cầu Tòa án buộc chị Khúc Thị Bích L trả nốt cho ông toàn bộ số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng đã vay và yêu cầu Tòa án buộc chị L phải chịu lãi suất số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định của khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, hàng tháng chị Khúc Thị Bích L còn phải trả lãi cho ông Trần Công M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho đến khi thanh toán xong tất cả số tiền còn nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công M được chấp nhận nên ông M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Khúc Thị Bích L có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng x 5% = 15.500.000 (Mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công M.

Buộc chị Khúc Thị Bích L phải trả cho ông Trần Công M số tiền 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Công M không yêu cầu chị Khúc Thị Bích L phải thanh toán tiền lãi từ ngày 18-5-2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, hàng tháng chị Khúc Thị Bích L còn phải trả tiền lãi cho ông Trần Công M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho đến khi thanh toán xong tất cả số tiền còn nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Công M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Khúc Thị Bích L phải nộp 15.500.000 (Mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Ông Trần Công M, chị Khúc Thị Bích L, anh Trần Thanh L, bà Nguyễn Thúy P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ông Trần Công M và chị Khúc Thị Bích L có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng